TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số:21 /2017/HNGĐ-ST.

Ngày: 27/12/2017.

V/v: "Tranh chấp xin ly hôn và nuôi con".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH SÓC TRĂNG.

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lê Văn Trúc**.

Các Hội thẩm nhân dân :

1. Ông **Nguyễn Thanh Hải**.
2. Bà **Châu Thị Chúc**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Phạm Thị Cẩm Vân**, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa: Ông **Trần Thanh Lâm**, Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 12 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 191/2017/TLST-HNGĐ, ngày 09 tháng 11 năm 2017 về "*Tranh chấp ly hôn và nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 105/2017/QĐST-HNGĐ ngày 04/12/2017 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị Bé H**, sinh năm 1990.

Địa chỉ: ấp C, xã T, huyện L, tỉnh Sóc Trăng.

- Bị đơn: Anh **Ngô Minh H**, sinh năm 1984.

Địa chỉ: ấp L, xã T, huyện C, tỉnh Sóc Trăng.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Luật sư **Bạch Sĩ Chất**, Văn phòng Luật sư Bạch Sĩ Chất, Đoàn luật sư tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN :

Trong đơn khởi kiện ngày 08/11/2017, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn chị Nguyễn Thị Bé H trình bày:

Chị Nguyễn Thị Bé H và anh Ngô Minh H kết hôn trên tinh thần tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã T, huyện L, tỉnh Sóc Trăng cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 07/03/2012. Thời gian đầu chung sống rất hạnh phúc, nhưng đến khoảng đầu năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm. Trong quá trình chung sống anh, chị có 1 con chung tên Ngô Minh T, sinh

ngày 13/6/2013 và hiện nay do chị H đang chăm sóc nuôi dưỡng. Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Nay chị H nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, nên làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết xin ly hôn; Chị xin được nuôi con chung, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con; tài sản chung, nợ chung không có, nên không yêu cầu giải quyết.

Tại tờ phúc đáp ngày 20/11/2017, cũng như các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn Ngô Minh H trình bày:

Về thời gian kết hôn và thời gian không còn sống chung, con chung thống nhất lời trình bày của nguyên đơn; không có tài sản chung, nợ chung. Nay anh H đồng ý ly hôn, anh xin được nuôi con, không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con; tài sản chung, nợ chung không có, nên không yêu cầu giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét thấy chị Nguyễn Thị Bé H và anh Ngô Minh H kết hôn trên tinh thần tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã T, huyện L, tỉnh Sóc Trăng cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 07/03/2012 phù hợp theo quy định Luật Hôn nhân và gia đình.

Quá trình chung sống anh, chị rất hạnh phúc, nhưng đến khoảng đầu năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, không hợp nhau, nên không còn chung sống cho đến nay. Tại phiên tòa chị H và anh H đồng ý xin ly hôn, do đó chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa chị H và anh H đã mâu thuẫn đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được; căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 cho ly hôn là phù hợp.

[2] Về con chung: Anh, chị có 1 người con chung tên Ngô Minh T, sinh ngày 13/6/2013. Tại phiên tòa chị H và anh H đều xin được nuôi con.

Xét thấy cháu Ngô Minh T, sinh ngày 13/6/2013, hiện nay do chị H và gia đình chăm sóc nuôi dưỡng, lo cho cháu ăn học chu đáo, đầy đủ, hiện nay cháu có chổ nơi học ổn định. Mặt khác chị H cũng có công việc làm ổn định; căn cứ khoản 1, 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 giao cháu cho chị H nuôi dưỡng đến trở thành; giành quyền, nghĩa vụ thăm nom con cho anh H theo khoản 3 Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 là phù hợp; chị H không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét giải quyết.

[3] Về tài sản chung, nợ chung không có; anh, chị không yêu cầu nên không xem xét.

[4] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; nên chị H phải chịu 300.000đ án phí sơ thẩm hôn nhân gia đình.

Tại phiên tòa Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn tranh luận rằng hiện nay bị đơn H có công việc làm ổn định, mức lương hàng tháng cao và có điều kiện chăm sóc con, nên đề nghị Hội đồng xét xử nên giao con cho bị đơn nuôi dưỡng. xét thấy tuy bị đơn vẫn có việc làm và mức thu nhập ổn định; nhưng chị H cũng có việc làm và mức thu nhập ổn định, hơn nữa từ khi anh, chị không còn sống chung đến nay cháu T do chị H và gia đình chăm sóc nuôi dưỡng, lo cho cháu ăn học chu đáo, đầy đủ, hiện nay

cháu có chổ nơi học ổn định, do đó tình cảm yêu mến của cháu đối với chị H nhiều hơn, nên không chấp nhận đề nghị của Luật sư.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu nguyên đơn. Xét thấy đề nghị của Viện kểm sát là có căn cứ chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tung dân sự.

- Khoản 1 Điều 56; khoản 1, 2 Điều 81; khoản 3 Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Bé H và anh Ngô Minh H.

- Về con chung: Giao cháu Ngô Minh T, sinh ngày 13/6/2013 cho chị H nuôi dưỡng đến trưởng thành; giành quyền, nghĩa vụ thăm nom con cho anh H; chị H không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chi H và anh H trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị H phải chịu 300.000 đồng, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng đã nộp 300.000 đồng, theo biên lai thu tiền số 0009840 ngày 08/11/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

Lê Văn Trúc

Nơi nhận:
- *Các đương sự;*
- *Tòa án tỉnh;*
- *VKSND huyện Châu Thành;*
- *Chi cục THADS huyện Châu Thành;*
- *UBND xã Hậu Thạnh;*
- *Lưu hồ sơ vụ án*;